Tóm tắt báo cáo – Kinh tế học của nhựa tái chế có nguồn cung ứng có trách nhiệm

Nov 20, 2026 · @Trang Nguyen

Thực hiện cung ứng có trách nhiệm ở mức tối thiểu làm tăng khoảng **40–50 USD/tấn** chi phí nhựa tái chế; khoản này chủ yếu là chi phí trực tiếp, định kỳ, và cần kết hợp nhiều cơ chế tài chính để chi trả.

Thông tin báo cáo

Mục	Nội dung
Tên báo cáo gốc	*Understanding the Economics of Responsibly Sourced Recycled Plastics: Unpacking the Costs, Benefits, and Financing Mechanisms*
Tên tiếng Việt	Kinh tế học của nhựa tái chế có nguồn cung ứng có trách nhiệm: Phân tích chi phí, lợi ích và cơ chế tài chính
Tổ chức phát hành	The Circulate Initiative, thông qua Sáng kiến Cung ứng có Trách nhiệm (Responsible Sourcing Initiative – RSI)
Thời gian phát hành	Tháng 11/2026
Tác giả chính	Santwana Sneha
Đồng tác giả	Annerieke Douma, Michael Sadowski
Phản biện độc lập	TS. David Lerpiniere – Chuyên gia độc lập về tuần hoàn và tài chính chuỗi cung ứng bền vững, Giảng viên thỉnh giảng, Đại học Leeds; Ellen Martin – Đối tác, Giám đốc Tác động và Vận hành, Circulate Capital; Cố vấn cấp cao, The Circulate Initiative
Quy mô	34 trang; nghiên cứu điển hình tại Ấn Độ và Kenya
Liên hệ	rsi@thecirculateinitiative.org · thecirculateinitiative.org
Dịch và hiệu đính bản tóm tắt	**GreenU**

Bản tóm tắt tiếng Việt này do GreenU dịch và hiệu đính nhằm mục đích tham khảo, phổ biến kiến thức. Bản quyền nội dung gốc thuộc The Circulate Initiative. Khi trích dẫn, vui lòng tham chiếu báo cáo gốc. Các con số là ước tính mang tính tham khảo, không phải chuẩn mực áp dụng chung.

Bối cảnh và mục tiêu

Cung ứng có trách nhiệm đang chuyển từ một sáng kiến tự nguyện thành yêu cầu bắt buộc về kinh doanh trong ngành tái chế. Cơ quan quản lý, nhà đầu tư, nhãn hàng và người tiêu dùng ngày càng yêu cầu doanh nghiệp chứng minh cách họ nhận diện, phòng ngừa và xử lý rủi ro về quyền con người và môi trường trong chuỗi cung ứng.

Ở nhiều thị trường mới nổi, tái chế phụ thuộc vào mạng lưới đại lý phế liệu, cơ sở thu gom và lao động phi chính thức. Thế giới ước có 20–40 triệu người nhặt rác, thường làm việc trong điều kiện không an toàn, thu nhập bấp bênh và ít được bảo trợ xã hội. Doanh nghiệp vừa và nhỏ trong chuỗi thường thiếu nguồn lực để cải thiện điều kiện lao động.

The Circulate Initiative đã xây dựng **Khung Hài hòa về Cung ứng có Trách nhiệm cho Vật liệu Tái chế** (Harmonized Framework), chuyển các nguyên tắc quốc tế như Bộ Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Quyền con người (UNGPs) thành hướng dẫn thực thi cho ngành tái chế. Theo Khung, cung ứng có trách nhiệm nghĩa là mọi bên trong chuỗi giá trị tái chế:

- Tôn trọng quyền con người và tiêu chuẩn môi trường trong hoạt động của mình và trong toàn chuỗi.
- Thừa nhận khu vực phi chính thức là một phần chuỗi giá trị của chính doanh nghiệp và làm việc thực chất với mọi nhà cung cấp.
- Hành động giảm thiểu và cải thiện ở mọi cấp, từ nhãn hàng toàn cầu đến cơ sở thu gom làm việc với người nhặt rác.

Khung trả lời câu hỏi "cần làm gì"; báo cáo này trả lời câu hỏi "tốn bao nhiêu". Báo cáo có bốn mục tiêu:

1. Hiểu các yếu tố chính tạo nên chi phí của nhựa tái chế có trách nhiệm.
2. Ước tính mức đầu tư cần thiết.
3. Xác định cách thu hẹp khoảng cách chi phí giữa chuỗi cung ứng có trách nhiệm và chuỗi thông thường.
4. Đánh giá lợi ích tiềm năng của việc đầu tư.

Giả thuyết của nghiên cứu: nếu khoảng cách chi phí được hiểu rõ, các bên sẽ dễ khai thông nguồn tài chính, qua đó cải thiện truy xuất nguồn gốc, sinh kế của lao động phi chính thức và đưa nhựa tái chế có trách nhiệm thành chuẩn mực của ngành.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu dùng phương pháp hỗn hợp, chia ba giai đoạn, lấy Khung Hài hòa làm nền tảng phân tích:

1. **Xây dựng khung chi phí:** nghiên cứu tài liệu, xác định các yếu tố chi phí theo Khung Hài hòa, lấy ý kiến chuyên gia để hoàn thiện.
2. **Đánh giá chi phí:** thu thập dữ liệu và ước tính chi phí qua hai nghiên cứu điển hình tại Ấn Độ và Kenya, sau đó các bên liên quan thẩm định kết quả.
3. **Đánh giá cơ chế tài chính và lợi ích:** rà soát tài liệu và tham vấn các bên về các nguồn tài chính và lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường.

Chi phí được ước tính theo cách tiếp cận từ dưới lên, bao quát toàn chuỗi giá trị, dựa trên tham vấn có cấu trúc với doanh nghiệp tái chế và nhà cung cấp thượng nguồn. Mọi chi phí được quy về mức hằng năm, tính trên mỗi tấn nhựa tái chế và phân loại theo hai chiều:

- **Theo thời điểm:** chi phí ban đầu (thiết lập hệ thống truy xuất, nâng cấp an toàn lao động, đăng ký lao động) và chi phí định kỳ (kiểm toán, làm việc với nhà cung cấp, đánh giá rủi ro, đào tạo).
- **Theo bên chi trả:** chi phí trực tiếp do doanh nghiệp chịu và chi phí gián tiếp có thể chia sẻ với nhãn hàng, chính phủ, nhà đầu tư, Tổ chức Trách nhiệm Nhà sản xuất (PRO) và đối tác phát triển.

18 yếu tố chi phí được xếp vào bốn nhóm:

Nhóm chi phí	Các yếu tố chi phí chính
Tuân thủ và hồ sơ	Hệ thống truy xuất và minh bạch; cơ chế khiếu nại bảo mật; đánh giá rủi ro thẩm định quyền con người
Đối tác và nâng cao năng lực	Vận động và hợp tác với chính quyền, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng; đào tạo nhà cung cấp; đào tạo an toàn lao động và kỹ năng nghề cho lao động, kể cả người nhặt rác
Phúc lợi và hòa nhập của người lao động	An toàn vệ sinh lao động; nước sạch và vệ sinh; đồ bảo hộ lao động; hỗ trợ giấy tờ tùy thân, bảo trợ xã hội, dịch vụ tài chính; lương đủ sống và thu nhập đủ sống; xử lý lao động trẻ em; tổ chức và chính thức hóa người nhặt rác; giáo dục tài chính; bảo hiểm y tế và nhân thọ

Nhóm chi phí	Các yếu tố chi phí chính
Tích hợp theo chiều dọc	Củng cố quan hệ với nhà cung cấp; đầu tư hệ thống thu gom và nâng cấp cơ sở

Phát hiện 1: Chi phí của cung ứng có trách nhiệm

Áp dụng các yêu cầu tối thiểu về cung ứng có trách nhiệm làm tăng khoảng **40–50 USD/tấn** so với chi phí hiện tại của nhựa tái chế. Mức tăng tương đương:

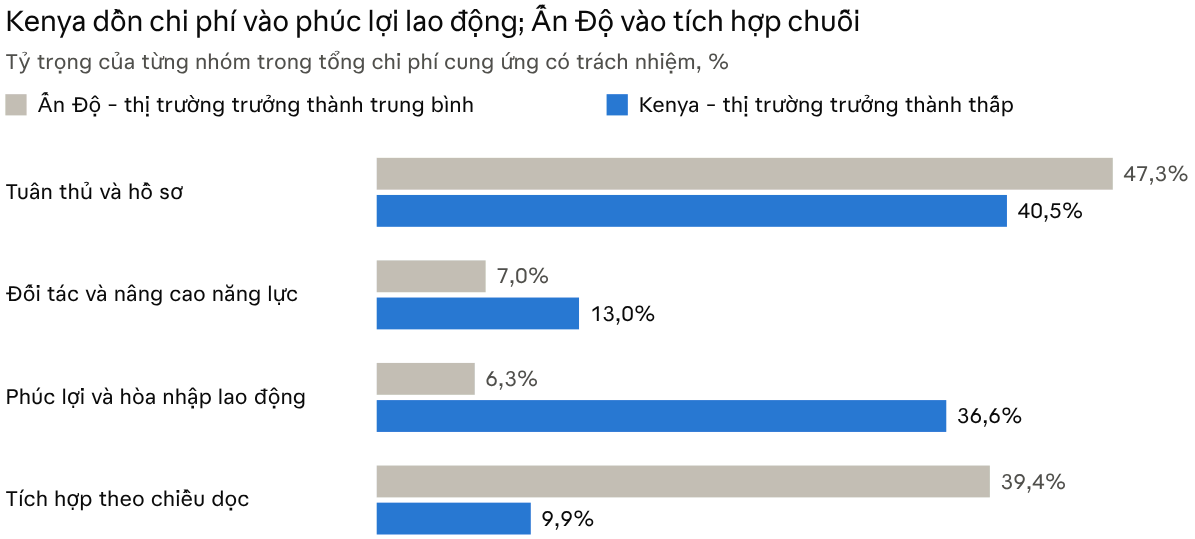
- **9–11%** với rPET tại Ấn Độ (thị trường trưởng thành trung bình);
- **17–24%** với polyolefin và **26–31%** với rPET tại Kenya (thị trường trưởng thành thấp).

Mức chi phí tuyệt đối gần như nhau giữa hai thị trường, nhưng khả năng chi trả thì không: thị trường kém trưởng thành phải tăng chi phí tương đối cao hơn nhiều.

Hai yếu tố quyết định chi phí

- **Mức độ trưởng thành của thị trường**, đánh giá theo ba điều kiện: chính sách EPR và môi trường pháp lý; hạ tầng thu gom và quản lý chất thải; mức độ tổ chức và hội nhập của lao động phi chính thức. Ấn Độ được xếp mức trung bình: đã có quy định EPR theo Quy tắc Quản lý Chất thải Nhựa nhưng hạ tầng thu gom chưa đồng đều và người nhặt rác chưa được hội nhập lâu dài. Kenya được xếp mức thấp: có Luật Quản lý Chất thải Bền vững và quy định EPR nhưng mới ở giai đoạn đầu, người nhặt rác chưa được đưa vào khung EPR.
- **Mức độ trưởng thành của doanh nghiệp**: doanh nghiệp đã có hệ thống quản lý, truy xuất và thẩm định quyền con người và môi trường (HREDD) cần đầu tư thêm ít hơn. Khi triển khai sâu hơn, chi phí chuyển dần từ thiết lập hệ thống sang xử lý rủi ro, khắc phục và giám sát kết quả.

Cơ cấu chi phí khác nhau theo thị trường



Nguồn: The Circulate Initiative (2026), Bảng 2 · nghiên cứu điển hình Ấn Độ và Kenya

Ở Kenya, chi phí cho phúc lợi lao động (đồ bảo hộ, đào tạo, nhận diện và đăng ký lao động) chiếm tỷ trọng lớn. Ở Ấn Độ, phần lớn đầu tư dành cho hạ tầng và duy trì hệ thống sẵn có.

Chủ yếu là chi phí trực tiếp và định kỳ

Loại chi phí	Ấn Độ (trưởng thành trung bình)	Kenya (trưởng thành thấp)
Trực tiếp	97,0%	88,2%
Gián tiếp	3,0%	11,8%
Ban đầu	34,3%	19,4%
Định kỳ	65,8%	80,6%

- **Hệ thống cung ứng có trách nhiệm cốt lõi** (tuân thủ, hồ sơ, truy xuất, làm việc với nhà cung cấp, thẩm định quyền con người) là khoản lớn nhất ở cả hai thị trường, chiếm 40–47% tổng chi phí.
- **Cung ứng có trách nhiệm không phải khoản đầu tư một lần.** Phần lớn chi phí lặp lại hằng năm và cần dần được tính vào giá thương mại.
- **Chi phí gián tiếp cao hơn ở thị trường kém trưởng thành**, đặc biệt cho hòa nhập lao động (bảo hiểm xã hội, hỗ trợ an toàn lao động, tài chính toàn diện), nên cần đồng tài trợ từ chính phủ, nhãn hàng, PRO và đối tác phát triển.

- **Đây là ước tính thận trọng.** Các khoản như thu nhập đủ sống, khắc phục toàn diện rủi ro nhân quyền và cơ chế khiếu nại chưa được tính đầy đủ; tổng chi phí thực tế sẽ cao hơn.

Phát hiện 2: Tài chính cho quá trình chuyển đổi

Không cơ chế tài chính nào đủ sức tự chi trả toàn bộ chi phí chuyển đổi; cần kết hợp nhiều cơ chế, phù hợp với từng loại chi phí và bối cảnh thị trường.

Khoảng trống tài chính rất lớn. Theo một ước tính, giai đoạn 2025–2040 cần 15,4 nghìn tỷ USD đầu tư tư nhân và 1,5 nghìn tỷ USD chi tiêu công để giảm 90% lượng nhựa quản lý kém so với năm 2019. Từ 2018 đến 2023, các nền kinh tế thu nhập cao nhận 94% đầu tư tư nhân vào tuần hoàn nhựa, các nền kinh tế mới nổi chỉ nhận 6% (theo Công cụ Theo dõi Đầu tư Tuần hoàn Nhựa của The Circulate Initiative và IFC).

Cơ chế	Chi phí có thể hỗ trợ	Vai trò và hạn chế	Ví dụ trong báo cáo
Phụ phí người mua và cam kết thu mua	Kiểm toán, chứng nhận định kỳ; truy xuất; làm việc và khuyến khích nhà cung cấp; về nguyên tắc có thể mọi loại chi phí	Đưa chi phí vào giao dịch mua bán và chuyển giá trị lên thượng nguồn. Còn ít ví dụ được ghi nhận, chưa có mô hình chuẩn	Plastics For Change và The Body Shop (Ấn Độ): giá sàn đảm bảo, phụ phí thương mại công bằng; trên 2.000 tấn từ 2019. Repa (châu Phi): gây quỹ cộng đồng để bù giá cho người nhặt rác
Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)	Hạ tầng thu gom, tái chế; khuyến khích nhà cung cấp; nâng cao năng lực; hòa nhập lao động	Nguồn tiền định kỳ, có chính sách bảo đảm; hiệu quả phụ thuộc cách thiết kế và phân bổ	Nam Phi: PRO bắt buộc trả phí dịch vụ thu gom cho người nhặt rác đã đăng ký (sửa đổi 2024). Brazil: hệ thống logistics ngược với ba loại chứng chỉ (CCRLR, CERE, chứng chỉ Khối lượng Tương lai)

Cơ chế	Chi phí có thể hỗ trợ	Vai trò và hạn chế	Ví dụ trong báo cáo
Tài chính dựa trên kết quả	Hạ tầng; hòa nhập và phúc lợi lao động; truy xuất; kết quả môi trường, xã hội đo lường được	Gắn giải ngân với kết quả được xác minh; bên thực hiện phải ứng vốn trước, xác minh tốn thời gian và chi phí	Trái phiếu gắn với giảm rác thải nhựa của Ngân hàng Thế giới (Ghana, Indonesia): 100 triệu USD, kỳ hạn 7 năm, khoảng 14 triệu USD cấp trước cho dự án
Tài trợ không hoàn lại và vốn xúc tác	Hòa nhập và phúc lợi lao động; đào tạo; chính thức hóa; hạ tầng	Linh hoạt nhất, phù hợp chi phí chuyển đổi; nhưng có thời hạn, không phù hợp chi trả lâu dài chi phí vận hành	Latitud R (Mỹ Latinh, IDB và IDB Lab tài trợ): người thu gom thu hồi 50–90% vật liệu tái chế nhưng chỉ nhận khoảng 5% lợi nhuận
Tín chỉ nhựa	Thu hồi vật liệu giá trị thấp; thu gom ở vùng thiếu dịch vụ; khuyến khích lao động	Bổ sung tài chính cho phần thị trường vật liệu không chi trả; cầu yếu, chi phí xác minh cao, lo ngại về tính bổ sung và minh bạch	CleanHub (Ấn Độ, Indonesia, Philippines, Tanzania): hơn 500 nhãn hàng, hơn 2.000 lao động; chưa minh bạch phân chia doanh thu

Ngoài ra có hai cách tiếp cận mới: **cam kết thị trường trước** (AMC), tạo sự chắc chắn về đầu ra cho doanh nghiệp tái chế; và **quỹ hỗ trợ kỹ thuật** (TAF), bù đắp khoảng trống năng lực.

Báo cáo nhận định các can thiệp về sinh kế và phúc lợi lao động sẽ cần nhiều hơn tài chính công, tài trợ và vốn xúc tác. Tài chính dựa trên kết quả sẽ phát huy tác dụng nếu các chỉ số về thu nhập, an toàn và hòa nhập của lao động được đưa vào điều kiện giải ngân. Trong 19 dự án quản lý chất thải rắn dựa trên kết quả của Ngân hàng Thế giới (2012–2024), chỉ 1 trong 62 chỉ số đề cập người nhặt rác phi chính thức.

Phát hiện 3: Lợi ích của đầu tư vào cung ứng có trách nhiệm

Cung ứng có trách nhiệm tạo giá trị vượt ra ngoài việc tuân thủ, nhưng lợi ích đến dần theo thời gian. Báo cáo xác định lợi ích qua tham vấn và bằng chứng hiện có, chưa lượng hóa.

- **Kinh tế:** giảm rủi ro kinh doanh nhờ thẩm định và truy xuất tốt hơn; nguồn nguyên liệu ổn định và chất lượng hơn; năng suất cao hơn, ít thất thoát vật liệu; tiếp cận người mua, thị trường mới và khả năng hưởng phụ phí; dễ tiếp cận vốn và cơ chế EPR; sinh kế ổn định hơn cho lao động phi chính thức.
- **Xã hội:** giảm tổn thương kinh tế nhờ thu nhập ổn định; điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh hơn; lao động phi chính thức được tổ chức, đại diện và công nhận nhiều hơn; sức khỏe cộng đồng tốt hơn nhờ giảm đốt lộ thiên và rò rỉ rác.
- **Môi trường:** giảm rò rỉ rác thải và ô nhiễm; giảm phát thải khí nhà kính và cải thiện chất lượng không khí; quản lý nước thải tốt hơn; sử dụng tài nguyên hiệu quả và tuần hoàn hơn.

Bên liên quan	Lợi ích chính
Nhãn hàng và người mua	Đáp ứng yêu cầu HREDD; giảm rủi ro uy tín và chuỗi cung ứng; chuỗi cung ứng ổn định
Doanh nghiệp tái chế và chế biến	Đáp ứng HREDD; chuỗi cung ứng ổn định; đáp ứng yêu cầu nhà đầu tư và người mua; tiếp cận vốn và thị trường mới
Lao động phi chính thức	Điều kiện làm việc tốt hơn; thu nhập cao và ổn định hơn; chất lượng cuộc sống cải thiện
Nhà đầu tư	Đáp ứng HREDD; giảm rủi ro danh mục đầu tư
Chính phủ và cộng đồng	Giảm rò rỉ rác thải và ô nhiễm (đô thị sạch hơn); phát triển kinh tế

Kết luận và khuyến nghị

Cung ứng có trách nhiệm là một phần chi phí kinh doanh, cần được các bên cùng đầu tư và mang lại giá trị lâu dài cho doanh nghiệp và con người. Mức 40–50 USD/tấn là điểm tham chiếu ban đầu, không phải chuẩn mực chung. Giá trị của con số này là làm cho một khoản chi phí vốn bị khuất trở nên rõ ràng, làm cơ sở lập kế hoạch đầu tư, đàm phán với người mua và thiết kế cơ chế tài chính.

Một số chi phí định kỳ có thể dần được tính vào mô hình kinh doanh và hợp đồng mua bán. Các khoản đầu tư cho người lao động và cấp hệ thống cần tài chính bổ sung từ nhãn hàng, nhà sản xuất, chính phủ, nhà đầu tư và đối tác phát triển. Hiệu quả cuối cùng phụ thuộc

việc dòng tiền có đến được các bên thượng nguồn và tạo cải thiện đo lường được hay không.

Khuyến nghị theo nhóm bên liên quan

Bên liên quan	Khuyến nghị
Doanh nghiệp tái chế và chế biến	Dùng các nhóm chi phí và phương pháp ước tính để lập ngân sách; từng bước đưa chi phí định kỳ vào vận hành; minh bạch chi phí để đàm phán giá với nhãn hàng và bên bao tiêu
Nhãn hàng và người mua	Đưa chi phí và lợi ích vào chiến lược và quyết định thu mua; cam kết dài hạn; xây dựng cơ chế thương mại chia sẻ phần đầu tư tăng thêm
Nhà đầu tư và tổ chức tài chính	Xác định khoảng trống tài chính, đặc biệt cho hạ tầng, hòa nhập lao động và nâng cao năng lực; đưa giá trị dài hạn của cung ứng có trách nhiệm vào giả định và mô hình tài chính
Nhà hoạch định chính sách	Khi thiết kế hoặc hoàn thiện EPR, bảo đảm cơ chế tài chính phản ánh đúng chi phí thực của tái chế có trách nhiệm và hỗ trợ đủ cho thu gom thượng nguồn, lao động phi chính thức
Đối tác phát triển và nhà tài trợ	Dành vốn xúc tác cho nhu cầu chuyển đổi và xây dựng hệ thống mà thị trường ít tài trợ: hòa nhập lao động, nâng cao năng lực, bảo trợ xã hội, phát triển hệ sinh thái

Hạn chế của nghiên cứu

- Ước tính dựa trên hai nghiên cứu điển hình, cho biết xu hướng chứ không đại diện cho mọi thị trường. Chi phí thay đổi theo địa lý, loại vật liệu, quy mô và cấu trúc chuỗi cung ứng.
- Con số chỉ gồm chi phí nằm trong tầm kiểm soát trực tiếp của doanh nghiệp. Chi phí cho thu nhập đủ sống, khiếu nại và khắc phục cho lao động phi chính thức chưa được tính đủ.
- Lợi ích mới được xác định định tính; cần thêm nghiên cứu để lượng hóa.

Nguồn

The Circulate Initiative (2026). *Understanding the Economics of Responsibly Sourced Recycled Plastics: Unpacking the Costs, Benefits, and Financing Mechanisms*. Tác giả: Santwana Sneha (chính), Annerieke Douma, Michael Sadowski. thecirculateinitiative.org

Báo cáo chi tiết các nghiên cứu điển hình: Understanding the cost of responsibly-sourced recycled plastics: Insights from case studies in India and Kenya

Dịch và hiệu đính: GreenU.